

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2024

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Kim Dung, ông Lê Bắc Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Việt Khương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc Xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1993; địa chỉ: Bản B, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nhận các giấy tờ văn bản tổng đạt: Chị Nguyễn Thị Kiều P; địa chỉ: Số A, T, khu đô thị T, đường N, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Cho Byung W, sinh năm: 1986; địa chỉ hiện tại: Room 502-201 dong of H 2nd A, M-dong 1-ga, I-si, J-do, Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cho Byung W kết hôn với nhau vào ngày 13/02/2015 tại Ủy ban nhân tỉnh Sơn La, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với nhau tại Thành phố Hà Nội, thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không phù hợp cũng như sự bất đồng về văn hoá, không có tiếng nói chung

trong cuộc sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này. Chị và anh Cho Byung W đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 tới nay, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, sự bất đồng quan điểm ngày càng trở nên trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Sơn La giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cho Byung W theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Cho Byung W có một con chung là cháu Cho Ngọc S, sinh ngày 19/7/2015, hiện nay cháu đang ở với anh Cho Byung W, nếu ly hôn anh Cho Byung W sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị và anh Cho Byung W tự nguyện thoả thuận, không yêu cầu Tòa xem xét.

Về nợ chung: Không có.

Về nợ riêng: Chị đề nghị nợ riêng của ai thì người đó tự trả nợ.

Về bị đơn anh Cho Byung W: Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Việt Nam đã thực hiện ủy thác tư pháp đến cơ quan có thẩm quyền để tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn anh Cho Byung W theo địa chỉ được cung cấp tại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, Sau khi nhận được kết quả ủy thác của Tòa án khu vực J1 – Chi nhánh G tại nước Hàn Quốc, về việc không thực hiện được ủy thác do không rõ địa chỉ, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã yêu cầu đề nghị nguyên đơn là chị Phạm Thị N xác thực lại địa chỉ của bị đơn, chị N đã cung cấp các tài liệu sau để chứng minh địa chỉ của bị đơn là đúng: Giấy chứng nhận đang theo học tại Trường tiêu học I tại Hàn Quốc của cháu Cho Ngọc S; Phiếu đăng ký hộ khẩu chủ hộ là bà Lee Gui W1 (mẹ đẻ của bị đơn); căn cước Hàn Quốc của nguyên đơn và lời trình bày của bà Lee Gui W2, các tài liệu chứng cứ nêu trên đều thể hiện bị đơn hiện vẫn đang sinh sống cùng mẹ và con gái tại địa chỉ R dong of H 2nd A, M-dong 1-ga, I-si, J-do, Hàn Quốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành:

Ngày 13/12/2023 và ngày 05/3/2024, Toà án nhân dân tỉnh Sơn La đã gửi văn bản về việc uỷ thác tư pháp đối với vụ án, đến ngày 29/8/2024 Toà án nhân dân tỉnh Sơn La nhận được văn của Toà án Quận J tại Hàn Quốc và ngày 30/9/2024 nhận được văn bản số 2735/BTP-PLQT ngày 18/9/2024 của Bộ Tư pháp, với cùng một nội dung thể hiện việc không thể tổng đạt cho anh Cho Byung W do không rõ địa chỉ. Sau khi nhận được văn bản, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn là chị Phạm Thị N cung cấp lại địa chỉ và chứng minh địa chỉ của anh Cho Byung W. Qua đối chiếu địa chỉ của bị đơn do chị N cung cấp đúng với toàn bộ giấy tờ cá nhân của bị đơn, do đó căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết

vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa căn cứ điều 228 BLTTDS đề nghị tiếp tục xét xử theo quy định

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Cho Byung W.

Về con chung: Giao cháu Cho Ngọc S sinh ngày 19/7/2015 cho anh cho Byung W trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí, lệ phí: Chị N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình số 01/2023/TLST - HNGĐ về việc xin ly hôn theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2023 của chị Phạm Thị N. Do bị đơn anh Cho Byung W là người ở nước ngoài đang sinh sống tại Hàn Quốc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành các thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (phiên họp hòa giải) cho anh Cho Byung W. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 474; khoản 1 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì không tiến hành hoà giải được.

Ngày 29/8/2024 và ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nhận được văn bản của trả lời kết quả ủy thác. Theo kết quả ủy thác tư pháp, anh Cho Byung W không tổng đạt được văn bản tố tụng, do không rõ địa chỉ. Đối chiếu địa chỉ cư trú hiện tại của anh Cho Byung W với các tài liệu chứng cứ do người khởi kiện cung cấp, xác định địa chỉ nơi ở hiện tại của anh Cho Byung W là chính xác, đồng nhất cùng một địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư*

trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án về lý do không tổng đạt được cho bị đơn...”.

Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật về việc tổng đạt đối với anh Cho Byung W nhưng không thành. Do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, căn cứ Điều 227, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

Chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Cho Byung W kết hôn với nhau từ ngày 13/02/2015, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính cách và quan điểm sống không phù hợp cũng như sự bất đồng về văn hoá, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay (hiện nay anh W cùng con đang sinh sống tại Hàn Quốc). Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành, chị Phạm Thị N đề nghị xin ly hôn anh Cho Byung W. Nay xét thấy tình cảm vợ, chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Cho Byung W không còn, tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống cho các bên đương sự và con chung của vợ chồng cần xử lý hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Cho Byung W, theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh chị sinh được một con chung là cháu Cho Ngọc S sinh ngày 19/7/2015, tại đơn khởi kiện chị N đề nghị tiếp tục để anh Cho Byung W trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu S. Do hiện tại cháu S, đang sinh sống ổn định và được anh Cho Byung W nuôi dưỡng chăm sóc; mặt khác bà nội cháu S là bà Lee Gui W1 thể hiện bằng văn bản cho biết cháu đang sinh sống ổn định cùng với bố và bà nội; ngoài ra chị N cho biết môi trường sinh sống và học tập tại Hàn Quốc tốt hơn ở Việt nam. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của chị N, cho anh Cho Byung W trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu S, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N được quyền thăm nom con chung không được ai cản trở quyền thăm nom con chung của anh Cho Byung W và chị Phạm Thị N. Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có tài sản chung, không

có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng, lệ phí: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp án phí, lệ phí dịch thuật, chi phí ủy thác tư pháp theo quy định chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 207, Điều 228, Điều 238; khoản 2, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 9, Điều 44 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư 12/2016/TTLT-BTP-BNV-TANDTC ngày 19/10/2016 về trình tự thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Cho Byung W.

Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 04, quyển số 02 ngày 13/03/2015 tại Ủy ban nhân tỉnh Sơn La không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Cho Ngọc S sinh ngày 19/7/2015 cho anh Cho Byung W được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Cho Ngọc S trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nợ chung và tài sản chung: Không có, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí - lệ phí, chi phí ủy thác:

4.1. Về lệ phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được khấu trừ tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000009 ngày

29/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4.2. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Phạm Thị N phải chịu số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí ủy thác ra nước ngoài đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000006 ngày 29/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

4.3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000010 ngày 07/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị N đã đóng đủ các chi phí trên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đối với bị đơn anh Cho Byung W có quyền kháng cáo trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- UBND tỉnh Sơn La (để ghi vào kết quả hộ tịch, khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Đinh Thị Mai Lan